

BÁO CÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước năm 2019**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu (*chi tiết tại các Biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm*) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của tỉnh Đắk Nông năm 2019, cụ thể như sau:

I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện năm 2019 là 2.666.204 triệu đồng, đạt 113% dự toán giao, tăng 12% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 2.482.052 triệu đồng, đạt 15% dự toán, tăng 13% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Một số khoản thu tăng cao so với cùng kỳ năm trước, vượt tiến độ thực hiện so với dự toán giao đầu năm, cụ thể như: Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý 702.460 triệu đồng, đạt 143% dự toán, tăng 34% so với cùng kỳ năm trước; Tiền thuê đất, thuê mặt nước 63.664 triệu đồng, đạt 318% dự toán, tăng 392% so với cùng kỳ năm trước; Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 107.173 triệu đồng, đạt 157% dự toán, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước.

- Một số khoản thu không đạt tiến độ theo dự toán giao, như: Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh 484.798 triệu đồng, đạt 79% dự toán, giảm 9% so với cùng kỳ năm trước; Thuế bảo vệ môi trường 131.995 triệu đồng, đạt 85% dự toán; Lệ phí trước bạ 113.847 triệu đồng, đạt 95% dự toán.

2. Thu xuất nhập khẩu 161.442 triệu đồng, đạt 82% so với dự toán, giảm 7% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

3. Thu huy động đóng góp là 22.710 triệu đồng, tăng 123% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

* Nhìn chung, tình hình thu NSNN trên địa bàn năm 2019 tương đối khả quan, đa số các khoản thu đều vượt tiến độ so với dự toán và thực hiện cùng kỳ

năm trước. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến số thu tăng cao là do tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tương đối thuận lợi. Mặt khác, việc kê khai thuế GTGT bổ sung năm 2017 và 2018 của Công ty nhôm Đắk Nông là 116.000 triệu đồng (đây là khoản thu phát sinh một lần ngoài dự toán); Thuế nhà thầu phát sinh ngoài dự toán của Dự án Điện mặt trời tại Cư Jút và Công ty OLaM Việt Nam với tổng số tiền 42.514 triệu đồng,...

II. Chi ngân sách địa phương (NSDP):

Tổng chi NSDP thực hiện năm 2019 là 6.778.065 triệu đồng, đạt 104% dự toán, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 61/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển 2.422.512 triệu đồng. Trong đó, giải ngân các khoản chi đầu tư phát triển từ nguồn kế hoạch vốn giao đầu năm 2019 của ngân sách cấp tỉnh là đạt khoảng 70% dự toán.

2. Chi thường xuyên 4.354.553 triệu đồng, đạt 95% dự toán, tăng 10% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Chi tiết một số lĩnh vực chi cơ bản như sau: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề là 1.799.447 triệu đồng, đạt 99% dự toán, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước; chi khoa học và công nghệ là 14.092 triệu đồng, đạt 111% dự toán; chi bảo vệ môi trường là 41.840 triệu đồng, đạt 101% dự toán, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước.

* Nhìn chung, chi ngân sách địa phương năm 2019 được phân bổ đảm bảo thời gian theo quy định; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi thường xuyên; đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương và giải quyết các vấn đề cần thiết, cấp bách. Tuy nhiên, chi đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm giải ngân, nguyên nhân là do công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án, vấn đề đền bù giải phóng mặt bằng, đấu thầu và triển khai các hợp đồng còn gặp nhiều vướng mắc, dẫn đến chưa đủ điều kiện để thanh toán vốn theo quy định.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2019 của Tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (TT).

CHỦ TỊCH





CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số 36/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Thực hiện 12 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	6.444.820	12.176.735	189	278
I	Thu cân đối NSDP	1.967.948	2.316.715	118	138
1	Thu nội địa	1.967.948	2.294.005	117	138
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
II	Thu huy động đóng góp	-	22.710		223
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	1.923.908		
IV	Thu kết dư ngân sách		375.677		
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		45.349		373
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.476.872	7.868.053	176	293
B	TỔNG CHI NSDP	6.489.097	10.281.317	158	178
1	Chi đầu tư phát triển	1.733.130	2.422.512	140	133
2	Chi thường xuyên	4.598.933	4.354.553	95	110
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.500		-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	100
5	Dự phòng ngân sách	101.770	-	-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	51.764		-	
7	Chi nộp ngân sách cấp trên		85.874		
8	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		3.417.378		
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	44.277		-	-
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	48.723		-	

THỰC HIỆN THỦ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 36 /BC/UBND ngày 17/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2019 TW giao	Dự toán 2019 ĐP giao	Thực hiện 12 tháng	So sánh thực hiện với (%)		
					Dự toán TW	Dự toán ĐP	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.358.500	2.358.500	2.666.204	113	113	112
I	Thu nội địa	2.162.000	2.162.000	2.482.052	115	115	113
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	491.000	491.000	702.460	143	143	134
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	42.000	42.000	35.821	85	85	80
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	40.000	40.000	61.080	153	153	77
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	617.000	617.000	484.798	79	79	91
5	Thuế thu nhập cá nhân	145.000	145.000	134.743	93	93	105
6	Thuế bảo vệ môi trường	156.000	156.000	131.995	85	85	139
7	Lệ phí trước bạ	120.000	120.000	113.847	95	95	104
8	Các loại phí, lệ phí	125.000	125.000	164.442	132	132	117
9	Các khoản thu về nhà, đất	260.600	260.600	380.346	146	146	113
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	220			106
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	100	249	249	249	111
-	Thu tiền sử dụng đất	240.000	240.000	316.165	132	132	98
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20.000	20.000	63.664	318	318	492
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN	500	500	48	10	10	10
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	68.400	68.400	107.173	157	157	133
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	2.000	254	13	13	4
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	20.000	20.000	23.504	118	118	130
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-	-	-			
14	Thu khác ngân sách	75.000	75.000	141.589	189	189	153
II	Thu từ dầu thô	-	-				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	196.500	196.500	161.442	82	82	93
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	63.500	63.500	52.836	83	83	
2	Thuế xuất khẩu	132.500	132.500	108.342	82	82	
3	Thuế nhập khẩu	500	500	259	52	52	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác			5			
IV	Thu viện trợ						
V	Thu huy động đóng góp			22.710			223
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.967.948	1.967.948	2.294.005	117	117	138
1	Từ các khoản thu phân chia	964.500	964.500	1.073.097	111	111	
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.003.448	1.003.448	1.220.908	122	122	

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 17/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2019	Thực hiện 12 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI NSDP	6.489.097	6.778.065	104	118
I	Chi đầu tư phát triển	1.733.130	2.422.512	140	133
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.669.130	2.417.512	145	133
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		5.000		
3	Chi đầu tư phát triển khác	64.000	-	-	
II	Chi thường xuyên	4.598.933	4.354.553	95	110
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.826.660	1.799.447	99	110
2	Chi khoa học và công nghệ	12.710	14.092	111	72
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		582.322		111
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		78.933		123
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		39.041		111
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		11.574		100
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	41.428	41.840	101	132
8	Chi sự nghiệp kinh tế		479.129		133
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		972.472		108
10	Chi bảo đảm xã hội		117.078		97
III	Chi trả lãi các khoản vay	2.500		-	
IV	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	51.764		-	
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	100
VI	Dự phòng ngân sách	101.770		-	